

KẾ HOẠCH

Chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp trong tỉnh tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XV và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (*viết tắt là Chỉ thị số 35-CT/TW*) và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 26/8/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt đầy đủ yêu cầu, nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 26/8/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, xác định rõ các nội dung và thời gian cụ thể thực hiện; tiến hành tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025, xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030; thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội của cấp mình, dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp và văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030; bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp.

2. Yêu cầu

2.1. Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp trong tỉnh phải được các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện theo đúng quy định, nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy các cấp; bảo đảm an toàn, thực chất, hiệu quả, không phô trương hình thức, kiên quyết chống lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và niềm tin của cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với Đảng.

2.2. Nâng cao chất lượng văn kiện đại hội đảng bộ các cấp; tập trung lãnh đạo tổ chức thảo luận thật kỹ lưỡng, sâu sắc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng lớn nêu tại dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng, văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và đại hội đảng bộ cấp trên; dự báo được tình

hình, xác định rõ tiềm năng, thế mạnh, tận dụng mọi nguồn lực, thời cơ, trên cơ sở đó định hướng các nhiệm vụ trọng tâm phát triển gắn với chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Báo cáo chính trị phải đánh giá trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đồng thời, xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới đúng và trúng với tình hình thực tế, có tính khoa học, khả thi cao và khát vọng phát triển.

2.3. Công tác nhân sự phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp, đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu. Bảo đảm sự kế thừa, đổi mới và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; có số lượng và cơ cấu hợp lý, đặc biệt coi trọng chất lượng, tăng cường ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực quan trọng, trọng yếu. Cấp ủy khoá mới phải tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, phẩm chất, đạo đức, lối sống, năng lực, uy tín; thật sự là trung tâm đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, thống nhất ý chí và hành động; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tầm nhìn, tư duy đổi mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân; có năng lực lãnh đạo, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới để thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ, đóng góp tích cực vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

2.4. Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử phải thực hiện nghiêm, đúng nguyên tắc, quy định của Đảng, Nhà nước; bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, chặt chẽ, dân chủ, khoa học, khách quan, công tâm, minh bạch, trách nhiệm giải trình; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; làm thận trọng từng bước, “làm đến đâu chắc đến đó”; gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự lãnh đạo các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhiệm kỳ tới. Chú trọng phát hiện, lựa chọn, giới thiệu những cán bộ tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, đã kinh qua thực tiễn, có thành tích, kết quả, sản phẩm công tác nổi trội, quan tâm cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Đánh giá cán bộ phải toàn diện, khách quan, thực chất, đúng quy định, đúng thẩm quyền; lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, uy tín năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác của cán bộ làm thước đo, tiêu chí cơ bản để đánh giá. Phải kế thừa, đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác thẩm định nhân sự trên cơ sở mở rộng, phát huy tối đa trách nhiệm của các cơ quan chức năng; chủ động rà soát, thẩm tra, thẩm định chặt chẽ, kỹ lưỡng tiêu chuẩn, điều kiện, kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, trách nhiệm của nhân sự liên quan đến các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, vụ án, vụ việc của các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và

kết quả giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo... Không sử dụng thông tin giả, thông tin không phải của cơ quan có thẩm quyền, thông tin không chính thức trên Internet, mạng xã hội, thông tin, dư luận xấu chưa được kiểm chứng liên quan đến nhân sự và công tác chuẩn bị nhân sự.

2.5. Quan tâm đến phương pháp, tiêu chí sàng lọc hiệu quả để không bỏ “sót” những người thật sự có đức, có tài, có năng lực; đồng thời, kiên quyết không để “lọt” vào cấp ủy khoá mới những người: Bản lĩnh chính trị không vững vàng, không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; phẩm chất, đạo đức, uy tín giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém, mất đoàn kết; trình độ, năng lực và hiệu quả công tác thấp; né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, tư duy nhiệm kỳ, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, cục bộ, “lợi ích nhóm”, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”,...; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vi phạm tiêu chuẩn chính trị, những điều đảng viên không được làm và quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều tài sản mà không giải trình rõ được nguồn gốc; vi phạm trách nhiệm nêu gương, để bản thân hoặc vợ (*chồng*), con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức, quyền để thu lợi bất chính; để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc xảy ra tham nhũng, thất thoát lớn, vụ việc tiêu cực gây ảnh hưởng xấu ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong thời gian phụ trách. Nhân sự không trúng cử cấp ủy cấp dưới, thì không giới thiệu để bầu cấp ủy cấp trên.

2.6. Đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải là những đại biểu có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng cách mạng, tiêu biểu về phẩm chất đạo đức, lối sống và năng lực công tác, đại diện cho trí tuệ của đảng bộ, chi bộ để tham gia, đóng góp vào các nội dung của đại hội.

2.7. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải thường xuyên làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, nhất là công tác thông tin, tuyên truyền, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, lấy “cái đẹp” dẹp “cái xấu”; coi trọng, tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh,... của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước. Tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà dư luận, cán bộ, đảng viên, Nhân dân quan tâm. Chủ động, tích cực, có biện pháp đấu tranh hiệu quả đối với những âm mưu, thủ đoạn chống phá, gây rối nội bộ của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị, bất mãn để bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ chế độ.

II. NỘI DUNG

1. Nội dung đại hội đảng bộ các cấp (từ chi bộ cơ sở trở lên)

Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 4 nội dung sau:

(1) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

(2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp.

(3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

(4) Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp.

Những nơi có khó khăn liên quan đến công tác nhân sự, được cấp ủy có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản thì tiến hành đại hội 3 nội dung (gồm nội dung 1, 2 và 4), chưa bầu cấp ủy khóa mới.

Lưu ý: Đối với đại hội chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở nhiệm kỳ 2025 - 2027, giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy hướng dẫn, chỉ đạo đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của Trung ương và yêu cầu nội dung tại kế hoạch này. Thời gian đại hội bắt đầu từ ngày 01/12/2024 và hoàn thành chậm nhất ngày 31/12/2024.

2. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận

- *Dự thảo văn kiện của cấp ủy trình đại hội gồm 2 báo cáo chủ yếu:*

+ Báo cáo chính trị của đảng bộ là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác; phải đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực tình hình, kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; đồng thời, tiếp thu những quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, của cấp ủy cấp trên, dự báo được tình hình đề đề ra phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính khả thi, tính phân đấu cao cho nhiệm kỳ 2025 - 2030, chú ý các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá với tầm nhìn dài hạn.

+ Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá XI, XII, XIII gắn với các chuyên đề học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách

nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả để sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- *Việc xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện*

+ Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện đại hội phải phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, dành thời gian hợp lý để tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão thành, cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến. Các cấp ủy chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.

+ Đại hội các cấp phải dành thời gian thỏa đáng, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của đại biểu; trong thảo luận cần hết sức cầu thị, lắng nghe, tôn trọng ý kiến lẫn nhau, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao, nhất là đối với những vấn đề mới, vấn đề khó.

- *Thời gian chuẩn bị dự thảo văn kiện đại hội:*

Đối với cấp cơ sở hoàn thành trước ngày 30/11/2024 (*đảng bộ được chọn làm điểm chỉ đạo hoàn thành trước ngày 30/10/2024*), cấp huyện và tương đương hoàn thành trước ngày 31/01/2025 (*đảng bộ được chọn làm điểm chỉ đạo hoàn thành trước ngày 15/01/2025*) và cấp tỉnh hoàn thành trước ngày 01/3/2025.

3. Về công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

3.1. Tiêu chuẩn cấp ủy viên (Phụ lục 1)

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 3301-QĐ/TU ngày 29/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tiêu chuẩn chức danh; phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử” và cập nhật, bổ sung các văn bản quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền mới ban hành.

3.2. Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Phụ lục 2)

- Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy (*là thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp theo quy định của Bộ Chính trị*): Cấp cơ sở tháng 4/2025; cấp huyện và tương đương tháng 6/2025; cấp tỉnh tháng 9/2025.

- Thời điểm tính tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tháng 5/2026.

- Thời điểm tính tuổi tham gia các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.

3.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Phụ lục 2)

- Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phải còn thời gian công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp, thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên.

- Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng) trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp.

- Cán bộ tái cử cấp ủy thì được tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội nhưng phải còn thời gian công tác ít nhất 18 tháng trở lên tại thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức. Thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên.

3.4. Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy (Phụ lục 3)

(1). Cơ cấu cấp ủy

- Phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy; coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; quy định thống nhất những chức danh có cơ cấu "cứng" tham gia ban thường vụ, số chức danh còn lại do cấp ủy quyết định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ của địa phương, đơn vị.

- Việc chuẩn bị nhân sự cần kết hợp hài hòa giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy hoặc bổ sung sau đại hội.

- Cơ bản thực hiện bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân các cấp. Thực hiện bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đối với những nơi đủ điều kiện (địa phương cụ thể do ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khi thực hiện công tác nhân sự cấp ủy). Mỗi đồng chí trong thường trực cấp ủy cấp tỉnh không giữ quá 02 chức danh trong các chức danh chủ chốt: bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân;

trưởng đoàn đại biểu Quốc hội; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Mỗi đồng chí trong thường trực cấp ủy cấp huyện, cấp xã không giữ quá 02 chức danh trong các chức danh chủ chốt: bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân. Thực hiện chủ trương bố trí 100% bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương, khuyến khích thực hiện đối với cấp xã và các chức danh khác.

- Thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan hành chính, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước. Trường hợp đặc biệt khó khăn về nhân sự thì do cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

- Phân công công tác mới hoặc giới thiệu ứng cử ở địa phương, cơ quan khác đối với đồng chí bí thư cấp ủy cấp huyện, cấp xã đã giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp (*từ 8 năm trở lên*) tại một địa phương nếu còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia cấp ủy khóa mới theo quy định.

- Phân đấu đạt tỉ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ; phân đấu tỉ lệ cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, huyện và dưới 40 tuổi đối với cấp xã*) từ 10% trở lên (*tính cho cả nhiệm kỳ*); tỉ lệ cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Các cấp ủy, nhất là người đứng đầu phải chủ động và có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy khóa mới theo quy định; đồng thời, có giải pháp hiệu quả chuẩn bị nguồn cán bộ cả trước mắt và lâu dài.

- Phân đấu đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên trong nhiệm kỳ 2025-2030. Thực hiện cơ cấu 3 độ tuổi trong cấp ủy và phân đấu 3 độ tuổi trong ban thường vụ, thường trực cấp ủy.

- Vào đầu nhiệm kỳ, nơi nào chưa chuẩn bị đủ số lượng, cơ cấu thì phải khẩn trương, nghiêm túc chuẩn bị nhân sự đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ sung, thay thế trong nhiệm kỳ bảo đảm đủ cơ cấu, tỉ lệ theo đúng quy định.

- Cơ cấu cấp ủy, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số và việc đổi mới cấp ủy trong lực lượng vũ trang, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, một số đơn vị đặc thù thực hiện theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương, phù hợp với tình hình thực tiễn của từng đảng bộ.

(2) Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy

- Số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện như nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Cán bộ được Trung ương điều động, luân chuyển giữ chức vụ bí thư, phó bí thư cấp ủy hoặc phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh nằm trong số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ cấp tỉnh.

- Cán bộ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện điều động, luân chuyển về cấp huyện, cấp xã nằm trong số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ cấp huyện, cấp xã.

- Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy trên cơ sở quy định của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Kế hoạch này.

3.5. Công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự cấp ủy

Cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ, chuẩn bị nhân sự cấp ủy thực hiện đúng theo tinh thần Chỉ thị số 35-CT/TW và các quy định hiện hành; đồng thời quan tâm, chú ý một số nội dung, yêu cầu sau:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch định kỳ theo phương châm: quy hoạch cấp dưới làm cơ sở quy hoạch cấp trên; quy hoạch cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; chú trọng quy hoạch chức danh người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; quan tâm quy hoạch đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số ở các cấp để tạo nguồn cán bộ và thực hiện chủ trương đổi mới cấp ủy theo tinh thần Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị.

- Để chuẩn bị một bước nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030, các cấp ủy, tổ chức đảng chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện phương án điều động, luân chuyển, phân công, bố trí cán bộ, trong đó cần có biện pháp tăng cường cán bộ cho những nơi khó khăn, còn thiếu nguồn cán bộ; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xử lý dứt điểm đối với những nơi nội bộ có biểu hiện mất đoàn kết hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.

- Công tác nhân sự phải thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền, cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình nhân sự theo quy định; đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ, dân chủ, khách quan, công tâm, công khai, minh bạch; phát huy trí tuệ, trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu cấp ủy và cán bộ, đảng viên. Đồng thời, phải đặc biệt coi trọng việc nâng cao chất lượng cấp ủy các cấp; có biện pháp hiệu quả để đánh giá đúng phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác trong lĩnh vực được phân công phụ trách trước khi giới thiệu, lựa chọn nhân sự tham gia cấp ủy khóa mới. Thực hiện nghiêm việc kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ theo Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị.

3.6. Quy trình nhân sự cấp ủy (Phụ lục 4)

- Quy trình nhân sự, gồm: (1) Quy trình giới thiệu nhân sự tái cử cấp ủy, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư, ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy. (2) Quy trình giới thiệu nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy, ban

thường vụ, phó bí thư, bí thư, ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy.

- Cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu tham gia cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy. Trong xem xét, thẩm định nhân sự cần phải rà soát, thẩm định chặt chẽ, kỹ lưỡng về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và những nội dung liên quan đến nhân sự theo quy định; tập trung rà soát, thẩm định tiêu chuẩn chính trị theo Quy định số 58-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Ban thường vụ cấp ủy chỉ đạo cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy và các cơ quan chức năng (*nội chính, công an, thanh tra và các cơ quan liên quan*) tiến hành rà soát chặt chẽ, kỹ lưỡng để xác định rõ trách nhiệm (*nếu có*) của nhân sự được giới thiệu tham gia cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 trong các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra hoặc vụ án, vụ việc mà cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận trong thời gian 10 năm trở lại đây (*từ năm 2015 đến nay*) và kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo (*nếu có*).

- Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện thẩm tra tư cách đại biểu theo quy định. Cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo thẩm tra, xác minh, kết luận trước khi tiến hành đại hội đối với những nơi có vấn đề phức tạp, nhất là mất đoàn kết nội bộ hoặc có đơn, thư khiếu nại, tố cáo. Cấp ủy triệu tập đại hội chỉ xem xét giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo có danh liên quan đến nhân sự nêu đơn, thư đó gửi đến cấp ủy trước ngày khai mạc đại hội 25 ngày làm việc đối với cấp xã và tương đương, 30 ngày làm việc đối với cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương; nếu gửi đến cấp ủy triệu tập đại hội sau thời hạn nêu trên, thì chuyển cho cấp ủy khóa mới xem xét, giải quyết theo quy định.

3.7. Thực hiện bầu cử trong đại hội

- Việc bầu cử cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp và việc ứng cử, đề cử trong đại hội thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng và Hướng dẫn của Trung ương.

- Thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội đối với cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở (*không thực hiện đối với các đảng bộ trong Quân đội, Công an*) ở những nơi cấp ủy đoàn kết, thống nhất cao; nhân sự dự kiến giới thiệu là người tiêu biểu, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đồng thời phải được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp. Đối với những nơi đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy thì đại hội phải thực hiện việc lấy phiếu giới thiệu bí thư cấp ủy trong số các đồng chí vừa trúng cử vào ban chấp hành đảng bộ khóa mới. Kết quả giới thiệu của đại hội để cấp ủy khóa mới tham khảo khi bầu bí thư cấp ủy. Trường hợp giới thiệu của đại hội khác với phương án nhân sự được duyệt thì báo cáo cấp ủy cấp trên cho ý kiến chỉ đạo trước khi bầu bí thư cấp ủy.

- Trường hợp nhân sự dự kiến bầu giữ chức bí thư, phó bí thư cấp ủy trong đề án nhân sự được cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua không trúng cử cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy khóa mới thì cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy khóa mới tạm dừng việc bầu cử và phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp (*qua ban tổ chức cấp ủy cấp trên trực tiếp*); sau khi có ý kiến chỉ đạo mới tiếp tục chuẩn bị và triển khai phương án bầu cử nhân sự theo quy định. Đối với nhân sự dự kiến bầu giữ chức chủ nhiệm ủy ban kiểm tra không trúng cử vào cấp ủy, ban thường vụ hoặc ủy ban kiểm tra cấp ủy cùng cấp thì ban thường vụ cấp ủy khóa mới báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp; sau khi có ý kiến chỉ đạo mới tiếp tục chuẩn bị và triển khai phương án bầu cử nhân sự theo quy định

4. Cơ cấu, số lượng đại biểu và việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên (Phụ lục 5)

Số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp như sau: (1) Đại hội Đảng bộ tỉnh 300 đại biểu; (2) Đại hội đảng bộ huyện và tương đương 250 đại biểu. (3) Đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên thì tiến hành đại hội đảng viên; có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu. Trường hợp đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý, thì tổ chức đại hội đại biểu; số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

- Cấp ủy triệu tập đại hội căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng tổ chức cơ sở đảng trực thuộc và vị trí quan trọng của đảng bộ trực thuộc để phân bổ đại biểu tham dự đại hội.

- Cơ cấu đại biểu cơ bản giữ ổn định số lượng, cơ cấu đại biểu ở khối địa phương và bảo đảm có từ 1 đến 2 đại biểu ở ngành, lĩnh vực quan trọng (*không tính đại biểu đương nhiên*) để nâng cao chất lượng thảo luận tại đại hội.

- Việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trực tiếp về số lượng, cơ cấu đại biểu đại hội đảng bộ các cấp.

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu đảng bộ được bầu từ 01 đến 02 đại biểu dự khuyết dự đại hội đại biểu cấp trên để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt trong suốt thời gian đại hội cấp trên. Số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội quyết định.

5. Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp

5.1. Trường hợp Đại hội Đảng bộ tỉnh được Trung ương chọn làm điểm chỉ đạo:

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu đảng bộ cơ sở 1,5 ngày, hoàn thành trong quý I/2025 (*bắt đầu từ tháng 01/2025, hoàn thành trước ngày 30/3/2025; tổ chức đại hội điểm vào đầu tháng 01/2025*).

- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện và tương đương 02 ngày, hoàn thành trong quý II/2025 (*bắt đầu từ tháng 4/2025, hoàn thành trước ngày 01/6/2025; tổ chức đại hội điểm vào đầu tháng 4/2025*).

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV 03 ngày; hoàn thành trong tháng 7/2025.

5.2. Trường hợp Đại hội Đảng bộ tỉnh không được Trung ương chọn làm điểm chỉ đạo:

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu đảng bộ cơ sở 1,5 ngày; bắt đầu từ tháng 04/2025, hoàn thành trước ngày 30/6/2025; tổ chức đại hội điểm vào đầu quý I/2025.

- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện và tương đương 02 ngày; bắt đầu từ tháng 7/2025, hoàn thành trước ngày 31/8/2025; tổ chức đại hội điểm vào đầu quý II/2025.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV 03 ngày; hoàn thành trước ngày 30/9/2025.

- Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội, đối với cấp huyện và tương đương trở lên không quá 1/2 ngày.

- Thực hiện dừng việc bổ sung cấp ủy viên và ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 trước 6 tháng, tính đến thời điểm đại hội ở mỗi cấp. Trường hợp đặc biệt cần bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy địa phương đối với nhân sự là lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang theo yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, do cấp ủy có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

6. Việc phân công, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau đại hội

- Thực hiện việc phân công cấp ủy viên khóa mới ngay sau đại hội theo phương án nhân sự đại hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt và yêu cầu tình hình thực tiễn.

- Cùng với việc phân công cấp ủy viên khóa mới, các cấp ủy cần tiến hành sắp xếp, bố trí kịp thời thực hiện chế độ, chính sách và làm tốt công tác tư tưởng đối với các đồng chí cấp ủy viên không tái cử theo quy định của Đảng và Nhà nước.

- Đối với cán bộ không tái cử (*cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*), nhưng còn thời gian công tác từ 24 tháng đến dưới 30 tháng, nếu còn đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe và có nguyện vọng công tác, thì xem xét, bố trí công việc phù hợp (*trường hợp cán bộ có nguyện vọng nghỉ hưu sớm, thì giải quyết cho nghỉ hưu trước tuổi nhưng không bị trừ tỉ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi và được hưởng trợ cấp một lần theo quy định*). Cán bộ còn dưới 24 tháng mới đến tuổi nghỉ hưu, nếu địa phương, cơ quan, đơn vị có khó khăn, không thể sắp xếp, bố trí, thì cần chủ động làm tốt công tác tư tưởng, động viên cán bộ nghỉ công tác, cơ bản giữ nguyên chế độ và chờ đủ tuổi nghỉ hưu. Cán bộ không đủ tuổi tái cử hoặc có

nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì kịp thời giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Đối với cán bộ ở xã, thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI: Cán bộ cấp xã hoạt động theo nhiệm kỳ, được hưởng chế độ theo quy định của Nhà nước; hết nhiệm kỳ không được bầu vào chức danh mới, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì được bố trí công tác khác theo quy định, nếu không đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì được nghỉ công tác, hưởng chế độ trợ cấp một lần và đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Về thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước có cơ cấu cấp ủy nhưng không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030, thực hiện như sau:

+ Đối với cấp tỉnh: Các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy thì cho thôi đảm nhiệm chức danh lãnh đạo nêu trên ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của Hội đồng nhân dân sau đại hội. Riêng đối với nhân sự Hội đồng nhân dân, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu Hội đồng nhân dân thì để đồng chí đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Đối với cấp huyện: Các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy thì cho thôi đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo cơ quan khối chính quyền cấp huyện ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của Hội đồng nhân dân cấp huyện sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu hội đồng nhân dân thì để đồng chí đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Đối với cấp xã: Các đồng chí lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy thì cho thôi đảm nhiệm sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của Hội đồng nhân dân sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu hội đồng nhân dân thì để đồng chí đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng quán triệt Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và Kế hoạch của Tỉnh ủy, xây dựng kế hoạch thực hiện ở cấp mình; lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị đại hội đối với các đảng bộ trực thuộc; làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền gắn với các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025.

2. Các cấp ủy thành lập các tiểu ban giúp việc chuẩn bị đại hội; phân công ủy viên ban thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ cấp dưới; tổ chức đại hội điểm để rút kinh nghiệm; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ đối với các đảng bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh. Ban thường vụ cấp ủy cấp dưới báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và đề án nhân sự cấp ủy khóa mới, khi được ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới tiến hành đại hội.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về dự thảo các văn kiện, đề án nhân sự cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy và phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra việc chuẩn bị, dự và chỉ đạo đại hội các đảng bộ trực Tỉnh ủy. Chọn 03 đảng bộ cơ sở thuộc 03 loại hình (*xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính; doanh nghiệp*) làm điểm tổ chức đại hội cấp cơ sở; chọn 01 Đảng bộ huyện và 01 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy làm điểm tổ chức đại hội cấp huyện và tương đương; chọn 01 Đảng bộ huyện thực hiện thí điểm đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy.

- Các huyện, thị, thành ủy chọn từ 01 đến 02 đảng bộ (*xã, phường, thị trấn hoặc ngành*) và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chọn 01 đảng bộ cơ sở làm điểm tổ chức đại hội để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Đồng thời, giao ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy chọn từ 01 đến 02 đảng bộ xã, phường, thị trấn đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy.

3. Các cấp ủy cần đề cao tinh thần trách nhiệm, tích cực chuẩn bị và tiến hành đại hội đạt kết quả tốt. Gắn việc chuẩn bị đại hội với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị thường xuyên; sắp xếp cán bộ để chuẩn bị đại hội, tránh xáo trộn; rà soát lịch sử chính trị nhân sự dự kiến vào cấp ủy các cấp; xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng có liên quan đến cán bộ, đảng viên. Những công việc cấp bách mà nội bộ và nhân dân quan tâm phải được giải quyết trước khi tiến hành đại hội. Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ và công tác chuẩn bị, tổ chức đại hội; không để xảy ra tình trạng “tư duy nhiệm kỳ”, “cục bộ”, “thân quen”, “lợi ích nhóm”, mất dân chủ, thiếu gương mẫu, “nể nang, dễ dãi”, “chạy chọt, vận động, tranh thủ lẫn nhau”, trông chờ, buông lơi nhiệm vụ của cán bộ chuẩn bị nghỉ hưu và tình trạng ngại va chạm, không dám tiến công của cán bộ sắp được đề cử.

4. Sau đại hội, cấp ủy khóa mới tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội; báo cáo cấp ủy cấp trên chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy và tiến hành kiện toàn các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2021-2026, đồng thời chuẩn bị nhân sự lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hậu Giang khóa XV, nhân sự lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định. Xây dựng quy chế làm việc, kế hoạch triển khai thực hiện nghị

quyết đại hội, chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội; phân công công tác đối với cấp ủy viên và thực hiện chế độ, chính sách đối với các đồng chí không tái cử theo quy định.

5. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch này; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Tổ giúp việc về công tác tổ chức đại hội đảng bộ các cấp trong tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030; tham mưu xét tặng bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình chuẩn bị, tổ chức đại hội Đảng bộ tỉnh; tổng hợp báo cáo kết quả đại hội về Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Trung ương đúng thời gian quy định.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch này, khi cơ quan có thẩm quyền của Trung ương ban hành các quy định, hướng dẫn có liên quan về công tác tổ chức đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời cụ thể hóa, bổ sung, hướng dẫn hoặc điều chỉnh kế hoạch này cho phù hợp.

Kế hoạch này được phổ biến đến chi bộ.

(Đính kèm Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương).

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các ban Đảng Trung ương,
- Ban Tổ chức TW; Vụ Địa phương III BTCTW,
- Các đ/c cơ quan Trung ương phụ trách địa bàn,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang,
- Báo Hậu Giang,
- Các huyện, thị, thành ủy và tương đương,
- Lưu VPTU.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Nghiêm Xuân Thành

PHỤ LỤC 1**TIÊU CHUẨN CẤP ỦY VIÊN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 295-KH/TU ngày 11/9/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*

1. Tiêu chuẩn chung**1.1. Về chính trị tư tưởng**

(1) Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng.

(2) Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trong bất cứ tình huống nào, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Có tinh thần yêu nước, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

(3) Chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, yên tâm công tác. Có ý thức học tập, nghiên cứu để nâng cao kiến thức, trình độ và năng lực công tác.

1.2. Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật

(1) Có phẩm chất đạo đức trong sáng; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; không tham vọng quyền lực, có tinh thần đoàn kết, gương mẫu về mọi mặt, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp, không có dư luận xấu và được nhân dân tín nhiệm, tin tưởng.

(2) Không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi và tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm.

(3) Công bằng, chính trực, trọng dụng người tài, không để người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi. Tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

1.3. Về năng lực, hiểu biết và uy tín

(1) Có tư duy đổi mới, có tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo. Có khả năng phát hiện những mâu thuẫn, thách thức, thời cơ, thuận lợi, vấn đề mới, khó và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn; mạnh dạn đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả.

(2) Nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Có năng lực thực tiễn, nắm chắc và hiểu biết cơ bản tình hình thực tế để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công; cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vì nhân dân phục vụ.

(3) Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; sâu sát cơ sở, được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

1.4. Sức khỏe, độ tuổi và kinh nghiệm

Có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ được giao theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền (*bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*); đảm bảo tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định; có kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý.

1.5. Điều kiện giới thiệu cán bộ ứng cử giữ chức vụ cao hơn

(1) Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác minh; đủ tiêu chuẩn chính trị theo quy định của từng chức danh; bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

(2) Được quy hoạch chức danh dự kiến bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm (*liên kế*) hoặc chức vụ tương đương ít nhất 02 năm (*24 tháng*). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(3) Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm gần nhất (*đối với trường hợp trong 03 năm đó, có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ mà nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm không phải về đạo đức lối sống hoặc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao sẽ do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể*).

(4) Tuổi bổ nhiệm phải đủ để công tác trọn 1 nhiệm kỳ (*trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, theo quy định*).

1.6. Điều kiện giới thiệu cán bộ tái cử

(1) Được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ, đồng thời, phải hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm gần nhất (*2022, 2023, 2024*) và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị (*đối với trường hợp trong 03 năm gần nhất, có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ mà nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm không phải về đạo đức lối sống hoặc thực hiện chức*

trách, nhiệm vụ được giao sẽ do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể).

Cán bộ trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức Khiển trách không thuộc diện phải xem xét miễn nhiệm, cho từ chức theo Quy định số 41-QĐ/TW ngày 03/11/2021 và Thông báo số 20-TB/TW ngày 08/9/2022 của Bộ Chính trị thì cấp có thẩm quyền, người đứng đầu căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị thảo luận dân chủ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ tác động ảnh hưởng, kết quả khắc phục (*nếu có*), ... để xem xét, quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định việc giới thiệu tái cử cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

(2) Địa phương, cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

(3) Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

2.1. Về trình độ chuyên môn

(1) Cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương: Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp vị trí, lĩnh vực phụ trách hoặc đã từng đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành được giao.

(2) Cấp cơ sở:

- Xã, phường, thị trấn: Đối với chức danh cán bộ, công chức phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với trường hợp ứng cử, các trường hợp tái cử nếu chưa có bằng tốt nghiệp đại học, chậm nhất tháng 8/2028 phải hoàn thiện. Đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã và ở ấp, khu vực, phải có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên. Các trường hợp tái cử nếu chưa có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên môn, chậm nhất tháng 8/2028 phải hoàn thiện^[1]. Đối với cấp ủy thuộc cơ cấu Công an và Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của ngành.

- Đối với cấp ủy cơ sở trong lực lượng vũ trang tỉnh, huyện: Thực hiện theo hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương và Quân ủy Trung ương.

- Đối với cấp ủy cơ sở trong loại hình cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

^[1] Theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

- Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước: Phù hợp với tình hình thực tiễn, theo định hướng nâng cao chất lượng cấp ủy.

2.2. Về trình độ lý luận chính trị

(1) Cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương: Có bằng tốt nghiệp cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền.

(2) Cấp cơ sở

- Xã, phường, thị trấn: Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên. Đối với chức danh Bí thư phải có bằng tốt nghiệp cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với cấp ủy cơ sở trong lực lượng vũ trang tỉnh, huyện: Thực hiện theo hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương và Quân ủy Trung ương.

- Đối với cấp ủy cơ sở trong loại hình cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước: Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước: Phù hợp với tình hình thực tiễn, theo định hướng nâng cao chất lượng cấp ủy.

2.3. Về bồi dưỡng quản lý nhà nước (trừ những người đã tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính)

(1) Cấp tỉnh: Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên. Đối với người ứng cử để dự kiến bố trí giữ các chức danh bí thư, phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh giám đốc sở và tương đương phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (hoặc đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương^[2]).

(2) Cấp huyện và tương đương: Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở lên. Đối với các chức danh bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ cấp ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện phải có chứng chỉ

^[2] Theo Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, quy định tiêu chuẩn chức danh Giám đốc Sở, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc.

bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên.

(3) Cấp cơ sở:

- Xã, phường, thị trấn: Đối với chức danh cán bộ, công chức phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở lên.

- Đối với cấp ủy cơ sở trong loại hình cơ quan hành chính phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở lên.

Ghi chú: Cán bộ đang công tác trong lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước khi giới thiệu ứng cử không nhất thiết phải đảm bảo tiêu chuẩn quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp. Đối với các trường hợp này phải hoàn thiện tiêu chuẩn trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày trúng cử.

2.4. Về trình độ ngoại ngữ, tin học

Sử dụng được ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu vị trí công tác.

3. Tiêu chuẩn đối với các chức danh chủ chốt của cấp ủy

3.1. Tiêu chuẩn chung

Bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn chung của cấp ủy viên ở mỗi cấp, đồng thời cần có những phẩm chất, năng lực: Tiêu biểu nhất về đạo đức, trí tuệ, có uy tín cao, là hạt nhân đoàn kết trong ban chấp hành, ban thường vụ và đảng bộ, không cục bộ địa phương, đơn vị và lợi ích nhóm. Có trình độ, kiến thức toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... và nắm chắc tình hình chung của địa phương, cơ quan, đơn vị. Có quyết tâm chính trị cao, quyết đoán, quyết liệt để quyết định xử lý những vấn đề khó, phức tạp liên quan đến địa phương. Am hiểu sâu, rộng về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng và hoạt động của hệ thống chính trị. Có năng lực cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào việc hoạch định chiến lược xây dựng, phát triển và lãnh đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả ở địa phương. Có khả năng chỉ đạo tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, phát hiện và đề xuất với cấp trên những chủ trương, cơ chế, chính sách và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn địa phương.

3.2. Tiêu chuẩn cụ thể

(1) Tiêu chuẩn đối với chức danh Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Quy định số 214-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

(2) Tiêu chuẩn đối với chức danh bí thư, phó bí thư cấp ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo Quy định số 3301-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(3) Tiêu chuẩn đối với chức danh bí thư, phó bí thư cấp ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền.

4. Tiêu chuẩn nhân sự tham gia ủy ban kiểm tra cấp ủy

Tiêu chuẩn nhân sự tham gia ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp thực hiện như tiêu chuẩn cấp ủy viên nhiệm kỳ 2025 - 2030 nêu tại Kế hoạch này.

PHỤ LỤC 2**ĐỘ TUỔI CẤP ỦY VIÊN NHIỆM KỲ 2025 - 2030***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 295-KH/TU ngày 11/9/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*

1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy

1.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1968 và nữ sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây).

1.2. Đối với cấp huyện và tương đương: Nam sinh từ tháng 6/1968, nữ sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây).

1.3. Đối với cấp xã và tương đương

- Cán bộ, công chức cấp xã (theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ): Nam sinh từ tháng 4/1968, nữ sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây.

- Trưởng Công an cấp xã: Còn thời gian công tác ít nhất 5 năm (60 tháng) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

- Cán bộ hoạt động không chuyên trách: Độ tuổi cấp ủy người hoạt động không chuyên trách thực hiện như cán bộ, công chức cấp xã.

2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử

2.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 4/1966, nữ sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 3/1968 trở lại đây).

2.2. Đối với cấp huyện và tương đương: Nam sinh từ tháng 3/1966, nữ sinh từ tháng 8/1970 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 12/1967 trở lại đây)

2.3. Đối với cấp xã và tương đương

- Cán bộ, công chức cấp xã (theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ): Nam sinh từ tháng 01/1966, nữ sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây.

- Trưởng công an cấp xã: Còn thời gian công tác ít nhất 30 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

- Cán bộ hoạt động không chuyên trách: Độ tuổi tái cử cấp ủy của người hoạt động không chuyên trách thực hiện như cán bộ, công chức cấp xã.

2.4. Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp ủy căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân Việt Nam (*sửa đổi, bổ sung năm 2023*); các đồng chí tham gia cấp ủy địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp ủy các cấp theo Chỉ thị của Bộ Chính trị;

Các đồng chí tham gia cấp ủy trong đảng bộ Quân đội, Công an, tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 1/2 nhiệm kỳ (*30 tháng đối với nhiệm kỳ 5 năm*), trường hợp đặc biệt còn tuổi công tác từ 01 năm (*12 tháng*) đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và phải được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định (trường hợp cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương).

2.5. Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước: Các đồng chí bí thư là thủ trưởng cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp nhà nước còn tuổi công tác từ 1 năm (*12 tháng*) đến dưới 30 tháng, có đủ phẩm chất, năng lực, sức khỏe, tín nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm đồng ý, thì có thể xem xét tiếp tục tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 đến khi nghỉ hưu.

2.6. Đối với các hội (thực hiện theo Kết luận số 32-KL/TW ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư): Tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử tham gia làm lãnh đạo các hội (chủ tịch, phó chủ tịch hội) không quá 65 tuổi. Trường hợp đặc biệt không quá 70 tuổi do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, nhưng chỉ áp dụng đối với chủ tịch hội (có năng lực lãnh đạo, uy tín cao và đủ sức khỏe để làm việc) của các hội có đảng đoàn, hội có tính đặc thù.

* **Lưu ý:** Nếu tuổi của cán bộ, đảng viên không thống nhất với hồ sơ nhân sự, thì xác định theo Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng. Trường hợp trong hồ sơ của cán bộ, đảng viên chỉ ghi năm sinh và không xác định ngày sinh, tháng sinh thì thời điểm xác định tuổi để tham gia cấp ủy và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ là ngày 01 và tháng 1 của năm sinh ghi trong hồ sơ theo quy định.

3. Cơ cấu độ tuổi của các cấp ủy

3.1. Cấp cơ sở: Phân đầu dưới 40 tuổi (không dưới 10%), từ 40 - 50 tuổi (40-50%) còn lại trên 50 tuổi.

3.2. Cấp huyện: Phân đầu dưới 42 tuổi (không dưới 10%), từ 42 đến 52 tuổi (40%-50%), còn lại trên 52 tuổi.

3.3 Cấp tỉnh: Dưới 42 tuổi theo tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của tỉnh, từ 42 đến 52 tuổi (40% - 50%), còn lại trên 52 tuổi.

PHỤ LỤC 3**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 295-KH/TU ngày 11/9/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*

I. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NHIỆM KỲ 2025 - 2030**1. Cấp tỉnh**

- Số lượng không quá 50 đồng chí.

- Cơ cấu như sau:

(1) Khối đảng, gồm: Thường trực Tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy. (2) Khối Nhà nước, gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. (3) Khối Mặt trận, đoàn thể, gồm: Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động tỉnh. (4) Khối nội chính, gồm: Công an, Quân sự, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh. (5) Khối cấp trên cơ sở, gồm: Người đứng đầu cấp ủy hoặc chính quyền (nếu có yêu cầu) huyện, thị xã, thành phố và đảng ủy khối trực thuộc tỉnh.

2. Cấp huyện và tương đương

- Số lượng:

+ Các đảng bộ: Thành phố Vị Thanh, huyện Phụng Hiệp và huyện Châu Thành không quá **43** đồng chí.

+ Các đảng bộ: Thành phố Ngã Bảy, thị xã Long Mỹ, huyện Long Mỹ, huyện Vị Thủy và huyện Châu Thành A không quá **41** đồng chí.

- Cơ cấu như sau: (1) Khối đảng, gồm: Thường trực cấp ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy (ban tổ chức, ban tuyên giáo, ủy ban kiểm tra, ban dân vận, văn phòng cấp ủy). (2) Khối chính quyền, gồm: Thường trực hội đồng nhân dân, thường trực ủy ban nhân dân và một số cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân. (3) Khối Mặt trận, đoàn thể, gồm: Mặt trận Tổ quốc, hội liên hiệp phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, liên đoàn lao động. (4) Khối nội chính, gồm: công an, quân sự, tòa án, viện kiểm sát. (5) Khối cơ sở, gồm: Người đứng đầu cấp ủy một số địa bàn quan trọng cần tập trung sự lãnh đạo của cấp ủy. Đối với những nơi thí điểm thực hiện chức danh trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch ủy ban mặt trận tổ quốc thì ngoài cơ cấu 01 đồng chí ủy viên ban thường vụ có thể xem xét, cơ cấu 01 đồng chí cấp phó (*mặt trận tổ quốc, dân vận*) tham gia cấp ủy cùng cấp.

- Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh không quá 27 đồng chí. Cơ cấu như sau: (1) Thường trực cấp ủy; lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy (ban tổ chức, ban tuyên giáo, ủy ban kiểm tra, văn phòng đảng ủy) và bí thư đoàn thanh niên làm chuyên trách. (2) Lãnh đạo một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong khối làm kiêm nhiệm.

- Đảng bộ Công an tỉnh không quá 23 đồng chí. Đảng bộ Quân sự tỉnh không quá 15 đồng chí. Cơ cấu thực hiện theo hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương và Quân ủy Trung ương.

II. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

1. Đối với cấp tỉnh

1.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 15 đồng chí, gồm: bí thư (1), phó bí thư (1); chủ tịch (1) và phó chủ tịch ủy ban nhân dân (1); phó chủ tịch hội đồng nhân dân (1); chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy (1), trưởng các ban: tổ chức (1), tuyên giáo (1), nội chính (1); dân vận (1); chủ tịch Mặt trận Tổ quốc (1); chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự (1), giám đốc công an (1); bí thư huyện, thị, thành ủy, Đảng ủy thuộc Tỉnh ủy hoặc cơ quan, ban, ngành tỉnh có vị trí, vai trò quan trọng (2).

1.2. Phó bí thư: Dự kiến 02 đồng chí (*số lượng cụ thể theo Quy định của Bộ Chính trị*).

2. Đối với đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố

2.1. Số lượng ủy viên ban thường vụ (11-13)

- Thành phố Vị Thanh, huyện Phụng Hiệp và huyện Châu Thành không quá 13 đồng chí. Cụ thể: bí thư (1), phó bí thư (1); chủ tịch (1) và phó chủ tịch ủy ban nhân dân (1); phó chủ tịch hội đồng nhân dân (1); chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy (1), trưởng các ban: tổ chức (1), tuyên giáo (1); trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch mặt trận tổ quốc (1); chỉ huy trưởng quân sự (1), trưởng công an (1); xã, phường, thị trấn hoặc ngành do cấp ủy quyết định (2).

- Thành phố Ngã Bảy, thị xã Long Mỹ, huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ và huyện Châu Thành A không quá 11 đồng chí. Cụ thể: bí thư (1), phó bí thư (1); chủ tịch (1) và phó chủ tịch ủy ban nhân dân (1); phó chủ tịch hội đồng nhân dân (1); chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy (1), trưởng các ban: tổ chức (1), tuyên giáo (1); trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch mặt trận tổ quốc (1); chỉ huy trưởng quân sự (1); trưởng công an (1).

2.2. Số lượng phó bí thư: 02 đồng chí. Đối với địa phương thực hiện nhất thể hóa chức danh bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện thì tiếp tục cơ cấu 02 phó bí thư: 01 phó bí thư làm thường trực cấp ủy, 01 phó bí thư làm chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc phụ trách lĩnh vực công tác cần tập trung sự

lãnh đạo của cấp ủy (nếu đồng chí phó bí thư cấp ủy không đủ điều kiện về tuổi để bầu hoặc tái cử giữ chức chủ tịch hội đồng nhân dân).

3. Đối với Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

3.1. *Số lượng ủy viên ban thường vụ:* từ 07 đến 09 đồng chí, gồm: bí thư (1), phó bí thư (01 - 02), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra (1), trưởng ban tổ chức (1) trưởng ban tuyên giáo (1), kiêm chức (01 - 03).

3.2. *Số lượng phó bí thư:* từ 01 đến 02 đồng chí.

4. Đối với Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh: Thực hiện theo Quy định riêng của Bộ Chính trị.

III. CẤP CƠ SỞ

1. Đối với đảng bộ xã, phường, thị trấn

- Số lượng ủy viên ban chấp hành không quá 15 đồng chí, ủy viên ban thường vụ không quá 05 đồng chí, số lượng phó bí thư từ 01 đến 02 đồng chí.

- Định hướng cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy như sau:

+ *Về cơ cấu cấp ủy:* (1) Khối Đảng: bí thư, phó bí thư; văn phòng đảng ủy - tổ chức đảng và nhà nước, tuyên giáo - dân vận, ủy ban kiểm tra. (2) Khối chính quyền: chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân. (3) Khối Mặt trận, đoàn thể: ủy ban mặt trận tổ quốc, hội liên hiệp phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên. (4) Trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự. (5) Công chức một số lĩnh vực và địa bàn (ấp, khu vực) quan trọng cần tập trung sự lãnh đạo của cấp ủy.

+ *Về cơ cấu ban thường vụ cấp ủy:* Bí thư, phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân, trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự hoặc chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; giao cho ban thường vụ cấp ủy cấp huyện nghiên cứu, đề xuất cấp ủy cấp trên xem xét, quyết định cơ cấu phù hợp tình hình thực tế của từng địa phương và phù hợp với bố trí cơ cấu chung của các tỉnh, thành trong cả nước^[3]. Đối với đơn vị thực hiện nhất thể hóa chức danh bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch

^[3] Theo Quyết định số 90-QĐ/TW ngày 06/12/2022 của Ban Bí thư về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Công an Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương về lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong công an tỉnh, thành phố về trách nhiệm của tỉnh, thành ủy chủ trì: "...Lãnh đạo thực hiện cơ cấu đồng chí bí thư chỉ bộ công an xã, phường, thị trấn tham gia ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn".

Theo Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư về lãnh đạo đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2024 - 2029: "...Cấp ủy phân công Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy có uy tín, năng lực làm Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và giới thiệu đề hiệp thương cử giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp". Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 22/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tình nhiệm kỳ 2024 - 2029: "...Cấp ủy phân công Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy có uy tín, năng lực làm Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với cấp tỉnh) và giới thiệu đề hiệp thương cử giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp".

ủy ban nhân dân cấp xã thì tùy tình hình thực tế có thể xem xét cơ cấu thêm 01 đồng chí phó chủ tịch ủy ban nhân dân tham gia ban thường vụ đảng ủy.

Đối với những đảng bộ cấp xã thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập theo quy định của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu trên nhưng tối đa không quá tổng số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất (*không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác*) và chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo quy định nêu tại Chỉ thị số 35-CT/TW.

2. Đối với tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Công an tỉnh, tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Quân sự tỉnh: Thực hiện theo Quy định riêng của Bộ Chính trị.

3. Đối với các tổ chức cơ sở đảng còn lại

- Số lượng ủy viên ban chấp hành đảng bộ cơ sở loại hình cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp,... không quá 15 đồng chí, ủy viên ban thường vụ không quá 05 đồng chí, bầu từ 01 đến 02 phó bí thư; những tổ chức cơ sở đảng bầu số lượng cấp ủy viên từ 09 đến 13 đồng chí, bầu ban thường vụ 03 đồng chí, bầu 01 phó bí thư; những tổ chức cơ sở đảng có số lượng dưới 09 cấp ủy viên, không bầu ban thường vụ.

- Chi bộ cơ sở có dưới 09 đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu một phó bí thư. Chi bộ cơ sở có 09 đảng viên chính thức trở lên, bầu chi ủy, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi ủy viên; chi bộ đông đảng viên bầu không quá 07 chi ủy viên, cụ thể:

- + Chi bộ cơ sở có từ 09 đến 14 đảng viên chính thức bầu không quá 03 chi ủy viên.
- + Chi bộ cơ sở có từ 15 đến 20 đảng viên chính thức bầu không quá 05 chi ủy viên.
- + Chi bộ cơ sở có từ 21 đảng viên chính thức trở lên bầu không quá 07 chi ủy viên.

PHỤ LỤC 4
QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ NHÂN SỰ CẤP ỦY, ỦY BAN KIỂM TRA
CẤP ỦY NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 295-KH/TU ngày 11/9/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

I. QUY TRÌNH NHÂN SỰ CẤP ỦY, BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY, CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CƠ QUAN NHÀ NƯỚC *(các hội nghị thực hiện quy trình nhân sự chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người triệu tập có mặt tham dự)*

Thực hiện quy trình nhân sự đối với các đồng chí tái cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy trước; sau khi xác định số lượng các đồng chí tái cử, thì tiếp tục thực hiện quy trình nhân sự đối với các đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy; đồng thời, dự kiến phương án giới thiệu nhân sự cấp ủy đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và trưởng, phó đoàn đại biểu Quốc hội.

1. Quy trình nhân sự đối với các đồng chí tái cử

1.1. Bước 1: Tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp ủy.

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khoá mới được cấp ủy thông qua và danh sách nhân sự cấp ủy đương nhiệm; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín. Đối với đảng ủy không có ban thường vụ thì hội nghị ban chấp hành đảng bộ kết hợp thực hiện bước 1 và bước 2.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

1.2. Bước 2: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2. Quy trình nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy

2.1. Bước 1: Tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp ủy.

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khoá mới được cấp ủy thông qua và trên cơ sở danh sách nguồn nhân sự quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ mới; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện

theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị. Đối với đảng ủy không có ban thường vụ thì hội nghị ban chấp hành đảng bộ thực hiện nội dung bước 1.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được lựa chọn, giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định^[4] trong danh sách nhân sự đã được ban thường vụ thông qua.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 30% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 30%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 2*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 2.

2.2. Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị nghiên cứu danh sách trích ngang của nhân sự và ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Thành phần:

+ ***Cấp tỉnh:*** Các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh; trưởng các ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

+ ***Cấp huyện:*** Các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; bí thư, phó bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã. ***Đối với Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh:*** Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các ban và tương đương; bí thư, phó bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc và trưởng các đoàn thể của đảng ủy khối.

+ ***Cấp xã:*** Các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã, các đồng chí phụ trách công tác đảng, trưởng các ngành, đoàn thể; bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc, trưởng các ấp, khu vực (*là đảng viên*). ***Đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp*** là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ, lãnh đạo cơ quan, trưởng, phó phòng, ban, thuộc cơ quan, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội thuộc cơ quan, bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc.

^[4] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 45 người (tính theo số dư 30%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

+ *Đối với Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh:* Thực hiện theo hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương và Quân ủy Trung ương.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định^[5] và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 25% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 25%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 3*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 3. Kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị.

2.3. Bước 3: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định^[6] và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 20% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 20%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ số dư trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 4*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 4. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2.4. Bước 4: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, ban thường vụ cấp ủy thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Đối với đảng ủy không có ban thường vụ thì không thực hiện nội dung bước này và chuyển sang bước 5.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định^[7] và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3.

^[5] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 43 người (tính theo số dư 25%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

^[6] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 40 người (tính theo số dư 20%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 15% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 15%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 5*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 5. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2.5. Bước 5: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả phiếu giới thiệu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (*nếu có*) đối với nhân sự; ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định^[7] và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 4.

- Nhân sự được lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (*số lượng được giới thiệu tính theo số dư từ 10 đến 15%*). Trường hợp có hai người trở lên cùng có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì lựa chọn nhân sự do người đứng đầu cấp ủy giới thiệu. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

* **Lưu ý:** Đối với cấp cơ sở có khó khăn về nguồn nhân sự, giao cấp ủy cấp trên trực tiếp hướng dẫn cụ thể về số lượng ở các bước bảo đảm số lượng nhân sự được giới thiệu có số dư từ 10 - 15% so với tổng số cấp ủy viên được bầu.

II. QUY TRÌNH NHÂN SỰ ỦY BAN KIỂM TRA (ỦY VIÊN, PHÓ CHỦ NHIỆM, CHỦ NHIỆM) CẤP ỦY NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Quy trình nhân sự tái cử giữ chức ủy viên, phó chủ nhiệm, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy

1.1. Bước 1: Hội nghị ủy ban kiểm tra cấp ủy

Ủy ban kiểm tra cấp ủy ghi phiếu giới thiệu đối với nhân sự tái cử.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt số phiếu đồng ý trên 50% so với tổng số thành viên được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

^[7] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 38 người (tính theo số dư 15%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

^[8] Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu từ 35 đến 38 người (tính theo số dư từ 10 đến 15%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

1.2. Bước 2: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy cùng cấp

Ban Thường vụ cấp ủy ghi phiếu giới thiệu đối với nhân sự tái cử.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt số phiếu đồng ý trên 50% so với tổng số thành viên được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

1.3. Bước 3: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ cùng cấp

Ban chấp hành đảng bộ ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự tái cử.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt số phiếu đồng ý trên 50% so với tổng số thành viên được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2. Quy trình nhân sự lần đầu giữ chức ủy viên, phó chủ nhiệm, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy

2.1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

2.1.1. Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy (*chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương; đối với ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở chỉ có chủ nhiệm, không có phó chủ nhiệm thì không thực hiện bước này*)

Căn cứ đề án nhân sự ủy ban kiểm tra cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và trên cơ sở danh sách nguồn nhân sự quy hoạch ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025 – 2030; tập thể lãnh đạo thảo luận, thông qua danh sách nhân sự quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Mỗi thành viên được giới thiệu không quá số lượng theo quy định trong danh sách nhân sự đã được tập thể lãnh đạo thông qua.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên tổng số đại biểu được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số dư ít nhất khoảng 15%. Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 2. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2.1.2. Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt cơ quan ủy ban kiểm tra (*đối với ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở không thực hiện bước này*)

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị nghiên cứu danh sách trích ngang của nhân sự và ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Thành phần: Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy, trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, bí thư cấp ủy và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc (nếu có).

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Mỗi thành viên được giới thiệu không quá số lượng theo quy định trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên tổng số đại biểu được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số dư ít nhất khoảng 15%. Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 3. Kết quả kiểm phiếu **không** công bố tại hội nghị.

2.1.3. Bước 3: Hội nghị ủy ban kiểm tra cấp ủy

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ủy ban kiểm tra cấp ủy thảo luận và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Mỗi thành viên được giới thiệu không quá số lượng theo quy định trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% trở lên tổng số đại biểu được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số dư ít nhất khoảng 15%. Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 3. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2.1.4. Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy (*chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương; đối với ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở chỉ có chủ nhiệm, không có phó chủ nhiệm thì không thực hiện bước này*)

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy thảo luận và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Mỗi thành viên được giới thiệu không quá số lượng theo quy định trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% trở lên tổng số đại biểu được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số dư ít nhất khoảng 15%. Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 5. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2.1.5. Bước 5: Hội nghị ủy ban kiểm tra cấp ủy

Trên cơ sở kết quả phiếu giới thiệu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; ủy ban kiểm tra cấp ủy thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Mỗi thành viên được giới thiệu không quá số lượng theo quy định trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 4.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% trở lên tổng số đại biểu được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số dư từ 10 - 15%. Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có hai người trở lên có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì lựa chọn nhân sự do người đứng đầu ủy ban kiểm tra cấp ủy giới thiệu. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2.1.6. Bước 6: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với đảng ủy cơ sở không có ban thường vụ thì không thực hiện bước này)

Ban thường vụ cấp ủy thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Nhân sự được lựa chọn phải đạt số phiếu đồng ý trên 50% trở lên so với tổng số thành viên được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2.1.7. Bước 7: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ cùng cấp

Ban chấp hành đảng bộ thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

Nhân sự được lựa chọn phải đạt số phiếu đồng ý trên 50% trở lên so với tổng số thành viên được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2.2. Từ nguồn nhân sự ở bên ngoài

Thực hiện theo quy trình 03 bước, tương tự như đối với nhân sự tái cử nêu ở mục 1 nêu trên; trong đó, trước khi thực hiện bước 1, ủy ban kiểm tra phải lấy ý kiến bằng văn bản của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác đối với nhân sự dự kiến giới thiệu tham gia ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 (nhân sự giới thiệu phải có số phiếu đồng ý trên 50% so với tổng số thành viên của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác. Trường hợp số phiếu đồng ý bằng 50%, thì do người đứng đầu xem xét, quyết định.

*** Lưu ý:** Quy trình nhân sự không áp dụng đối với nhân sự ủy viên ủy ban kiểm tra kiêm chức.

Quy trình nhân sự đối với ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở, căn cứ tình hình cụ thể để tổ chức thực hiện cho phù hợp với nội dung tại mục 2.

III. DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ *(thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau):*

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình.
2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu *(kèm theo Biên bản kiểm phiếu ở các bước)*.
3. Sơ yếu lý lịch *(theo mẫu)* do cá nhân tự khai *(đánh máy)* và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4 x 6, chụp trong thời gian không quá 6 tháng.
4. Bản kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất; có nhận xét, đánh giá của chi bộ và xác nhận của đảng ủy cơ quan nơi cán bộ công tác.
5. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm *(nếu có)*. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
6. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ *(trường hợp bản nhận xét của cấp ủy nơi cư trú không trùng với nơi nhân sự đang sinh sống¹⁹¹ thì phải lấy xác nhận lại theo quy định)*.
7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Trường hợp nhân sự có liên quan đến yếu tố nước ngoài, thì thực hiện việc báo cáo, cam kết theo quy định tại Điều 19, Quy định số 58-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 01-HD/BTCTW 05/8/2022 của Ban Tổ chức Trung ương.
8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành *(có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định)*.
9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... *(có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền)*. Đối với nhân sự có bằng tiến sỹ, thạc sỹ, đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc cơ sở đào tạo trong nước liên kết với nước ngoài cấp *(không thuộc diện cử tuyển của cơ quan có thẩm quyền)*, thì phải có giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.
10. Kết luận tình trạng sức khỏe của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, huyện, thị xã, thành phố hoặc phải có giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền *(trong thời hạn 6 tháng)*.

¹⁹¹ Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, hiện đang sinh sống tại phường B nhưng Bản nhận xét nơi cư trú lại không phải do Đảng ủy phường B xác nhận.

Nhân sự phải kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung nêu tại các mục và phải được cấp có thẩm quyền xác nhân theo đúng quy định. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chịu trách nhiệm chính trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư; ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc nhận xét, đánh giá, đề xuất, giới thiệu, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu và một số nội dung liên quan khác theo quy định.

PHỤ LỤC 5
DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 295-KH/TU, ngày 11/9/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

Số lượng đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, gồm: các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và đại biểu do đại hội cấp huyện và tương đương bầu. Số lượng đại biểu dự kiến được phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy như sau *(theo số liệu tổ chức đảng - đảng viên được tính đến ngày 30/6/2024)*:

ĐVT: Đại biểu

STT	Đảng bộ	Số lượng đại biểu	Ghi chú
I	Đại biểu đương nhiên	46	<i>Số lượng đại biểu đương nhiên có thể giảm hoặc tăng theo tình hình thực tế (nhưng không quá 50 đại biểu)</i>
II	Đại biểu phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc	254	
1	Đảng bộ thành phố Vị Thanh	25	
2	Đảng bộ thành phố Ngã Bảy	23	
3	Đảng bộ thị xã Long Mỹ	23	
4	Đảng bộ huyện Vị Thủy	25	
5	Đảng bộ huyện Long Mỹ	21	
6	Đảng bộ huyện Phụng Hiệp	29	
7	Đảng bộ huyện Châu Thành A	25	
8	Đảng bộ huyện Châu Thành	24	
9	Đảng bộ Quân sự tỉnh	12	

10	Đảng bộ Công an tỉnh	15	
11	Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	31	
TỔNG CỘNG (I+II)		300	

Ngoài số lượng đại biểu chính thức, các đảng bộ cấp huyện và tương đương được bầu từ 01 đến 02 đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức khi cần thiết.

Lưu ý: Căn cứ vào khung nêu trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quyết định phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc. Căn cứ vào điều kiện thực tế, có thể xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng đại biểu của từng đảng bộ đảm bảo số lượng đại biểu không ít hơn hoặc nhiều hơn quá 5% so với số lượng đại biểu được phân bổ cho từng đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh và không vượt quá tổng số đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh đã được ấn định.
